

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐỒNG THUẬN PHÁP LUẬT

Võ Khánh Vinh*
Hồ Sỹ Sơn**

1. Quan niệm về đồng thuận pháp luật

Xung đột và đồng thuận là hai đặc điểm quan trọng nhất của mọi hệ thống pháp luật. Thực tiễn cho thấy, chính sách pháp luật được ban hành và thực hiện ở những nơi có xung đột. Do vậy, một trong những nhiệm vụ quan trọng của khoa học pháp lý là nghiên cứu các chế định pháp luật, những thủ tục pháp lý với tính cách là những phương tiện giải quyết xung đột, củng cố và hoàn thiện hệ thống xã hội và hệ thống pháp luật.

Với tư cách là một khái niệm khoa học, đồng thuận được hiểu là trạng thái ý thức của quần chúng nhân dân, của cá nhân, của tập thể và của xã hội, trong đó mỗi người đều có ý thức cùng “đồng hành” lâu dài với nhau trong xã hội. Trong trường hợp này, khoa học sử dụng khái niệm “đồng thuận” để chỉ nguyên tắc quan hệ của con người với con người, của con người với chính bản thân mình, là hình thức tổ chức tinh thần của cá nhân và xã hội mà con người lấy đó làm căn cứ để thực hiện hành vi theo “chiến lược” đồng tình. Thuật ngữ Consensus – theo tiếng La tinh có nghĩa là sự đồng ý, sự nhất trí, sự đồng lòng, sự thống nhất, sự thoả thuận, sự hoà hợp, sự phối hợp, sự nhất quán; còn thuật ngữ Consciencia - theo tiếng La tinh cũng có nghĩa là lương tri và là đồng ý thức.

Trong sách báo, tài liệu, thuật ngữ “đồng thuận” được sử dụng ít nhất theo ba nghĩa: xã hội học, chính trị học và luật học.

Các nhà xã hội học nhấn mạnh rằng, một trong những hậu quả của những cuộc cải cách duy ý chí là làm sâu sắc thêm sự chia rẽ xã hội thành các nhóm không những khác

nhau về điều kiện kinh tế mà còn có lợi ích chính trị đối lập nhau. Trong xã hội tồn tại những giai cấp, những nhóm xã hội có những lợi ích khác nhau. Do vậy, nói đến đồng thuận xã hội, không thể không đề cập đến cơ cấu xã hội, vì đồng thuận về mặt xã hội chỉ có thể có nếu các nhóm xã hội điều chỉnh quan điểm lập trường và lợi ích của mình vì sự bình yên của xã hội.

Trên phương diện chính trị, đồng thuận được coi là sự hiện có một số giá trị và quy phạm có tính nền tảng được tất cả các giai cấp, các nhóm lớn trong xã hội chia sẻ. Điều đó, trước hết có nghĩa rằng, sự đồng thuận chung tương thích với quá trình thông qua quyết định, theo đó thiểu số sẵn sàng tuân theo quyết định của đa số đã chiến thắng trong sự cạnh tranh chính trị công khai, còn thiểu số đó được bảo lưu ý kiến, phản biện do vậy bản thân sự đồng thuận làm cho quyền lực trở nên cố uy tín. Như vậy, “đồng thuận” với tính cách là thuật ngữ chính trị, có nghĩa là có sự thống nhất trong những quan điểm nhất định giữa các nhóm chính trị - xã hội khác nhau về hoàn cảnh chính trị của đất nước và các cách giải quyết những vấn đề lâu dài của đất nước. Ở nghĩa chính trị nội tại, đồng thuận được hiểu là mức độ nhất trí nhất định của công dân đối với chế độ chính trị - pháp luật và đối với những vấn đề có tầm sách lược và chiến lược phát triển đất nước, sự ủng hộ tích cực của công dân đối với chương trình hành động đang được thực hiện và không có sự chống đối chương trình hành động đó, nên không cần quản lý xã hội bằng phương pháp cưỡng chế.

Nếu ở nghĩa chính trị, đồng thuận được lập luận là sự thống nhất ý kiến xã hội, sự nhất trí chung đối với vấn đề còn tranh cãi, thì ở nghĩa pháp luật, đồng thuận được lý

* GS.TS. Luật học, Phó Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

** TS. Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật.

giải là phương pháp đề xuất, soạn thảo và thông qua quyết định (quyết định ở đây được hiểu bao hàm cả dự án luật) dựa trên hai nguyên tắc quan trọng: ủng hộ và không phản đối hoặc không chống lại. Nói cách khác, những người tham gia thông qua quyết định ủng hộ và không có ai trong số những người đó phản đối hoặc chống lại việc thông qua quyết định đó.

Như vậy, đồng thuận không có nghĩa là đồng thanh nhất trí vì việc ra quyết định không đòi hỏi sự trùng hợp đầy đủ về lập trường quan điểm của tất cả các thành viên tham gia quá trình thông qua quyết định. Sự đồng thuận chỉ đòi hỏi không có người phản đối trực tiếp và có thể thể hiện lập trường trung lập (bỏ phiếu trắng chẳng hạn) và thậm chí có thể công khai phát biểu thêm về quyết định nếu như lời phát biểu thêm đó không làm mất đi nội dung cốt lõi đã thoả thuận. Đồng thời, đồng thuận không phải là quyết định của số đông (của đa số) vì không thể có đồng thuận một khi có ai đó trong số các thành viên tham gia ra quyết định phản đối trực tiếp.

Cách hiểu rộng về đồng thuận như trên, chẳng những phản ánh được bản chất của đồng thuận trong quan hệ quốc tế, mà còn phản ánh được đồng thuận trong nội bộ đất nước. Tất nhiên, trong trường hợp này, cần phân biệt đồng thuận ở nghĩa hẹp vốn được hiểu là phương thức giải quyết mang tính chính trị đối với những cuộc tranh chấp và xung đột cụ thể (ở đây có thể có sự giống nhau trực tiếp với cách giải thích về pháp luật quốc tế) với đồng thuận ở nghĩa rộng, nghĩa chính trị – xã hội mà nói theo cách khác là sự đồng thuận của công dân.

Thế giới ngày nay đang đầy ắp xung đột quốc tế, chẳng hạn xung đột: Ả-rập - Ixraen, Iran - Hoa Kỳ, Grudia - Abkhadia, Grudia - Nam Ôxettia (những nước vừa tuyên bố độc lập tách khỏi Grudia). Những xung đột đó chỉ có thể giải quyết bằng sự hoà thuận của các bên thù địch. Không phải ngẫu nhiên mà những người sáng lập ra Tổ chức Liên hợp quốc đã cùng nhau quy định trong Hiến

chương Liên hợp quốc nguyên tắc nhất trí giải quyết các vấn đề tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Nếu phân tích một cách tổng thể toàn bộ hoạt động của Liên hợp quốc từ ngày đầu thành lập đến nay, có thể thấy nguyên nhân dẫn đến tình trạng nhiều Nghị quyết của Đại Hội đồng không có hiệu lực và hiệu quả là do chúng đã được thông qua theo cơ chế đa số.

Ngày nay, phần lớn các nước thành viên Liên hợp quốc nhận thức được rằng, đồng thuận là phương thức duy nhất “có trí tuệ” cần sử dụng để thông qua các Nghị quyết của Đại Hội đồng Liên hợp quốc. Con số thống kê sau đủ để nói lên điều đó. Chẳng hạn, tại kỳ họp lần thứ 13 của Đại Hội đồng Liên hợp quốc, trong tổng số 112 Nghị quyết được thông qua có 39 Nghị quyết được thông qua “với sự đồng thuận” của tất cả các thành viên Liên hợp quốc (chiếm 35 %), thì tại kỳ họp lần thứ 40 của Đại Hội đồng, trong tổng số 259 Nghị quyết được thông qua có 184 Nghị quyết được tất cả các thành viên tán thành (chiếm 70 %).

Xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội tạo ra những khả năng như nhau cho tất cả mọi người. Dự luận xã hội được hình thành từ những chính kiến của mọi thành viên trong xã hội. Khi giải quyết bất kỳ vấn đề nào đó, cần phải xem xét, cân nhắc đến tất cả các chính kiến khác nhau đang tồn tại vào thời điểm đó. Trong khi đó, phương thức thông qua quyết định dựa trên nguyên tắc tính toán một cách máy móc số phiếu “tán thành” và “không tán thành” tạo ra khả năng ngay từ đầu quyết định được ban hành đã khó có thể được thực hiện một cách đầy đủ và thường xuyên. Nhược điểm chủ yếu của phương thức này là coi thường trên thực tế ý kiến của số ít. Sự cưỡng ép lấy lý do thiếu số phục tùng đa số đã vi phạm một trong những định đề cơ bản của nền dân chủ, đó là sự bình đẳng. Do vậy, nhiệm vụ của nhà làm luật là cân nhắc, thể hiện ý chí của mọi công dân thành ý chí chung của xã hội, chứ không hướng vào khẳng định ý chí của “số đông” nhà làm luật.

So với tất cả các phương thức khác còn lại vốn được sử dụng để giải quyết xung đột xã hội nói chung và xung đột pháp luật nói riêng, đồng thuận còn có ưu thế nổi trội hơn và không thể bác bỏ là không chỉ làm cho dư luận xã hội tác động trực tiếp đến các quá trình chính trị - pháp luật, mà còn hình thành nên bản thân dư luận xã hội. Trong xã hội ngày nay - xã hội vốn đặc trưng bởi các xu hướng phân hoá và đan xen lợi ích giữa các cộng đồng xã hội, các nhóm xã hội khác nhau, việc áp dụng phương thức thông qua quyết định trên cơ sở số đông ắt sẽ làm mất đi tính ổn định của xã hội, hình thành dư luận đối đầu trong xã hội - nguyên nhân của xung đột xã hội nói chung và xung đột pháp luật nói riêng.

Ngược lại, nếu áp dụng phương thức thông qua quyết định trên nền tảng của sự nhất trí chung sẽ hình thành ý thức mới hiện đại vốn xa lạ với ý thức mang tính định kiến và không nhân nhượng. Nếu như ở thời Trung cổ, chỉ có chế độ quân chủ chuyên chế mới xoá bỏ được các cuộc phân tranh phong kiến làm suy yếu Nhà nước, thì trong thế kỷ XX và hiện nay, chỉ có quyền lực nhân dân mới có thể xoá bỏ được các cuộc phân tranh. Đương nhiên, quyền lực nhân dân sơ khai vốn dựa trên nền tảng của sự bình đẳng về lợi ích khác với cơ sở của nền dân chủ hiện nay - sự bình đẳng về quyền trong sự đa dạng về lợi ích. Điều đó chỉ có thể có được khi xây dựng được một chế độ mà trong đó không một lợi ích nào đang tồn tại trên thực tế cũng như không một nguyện vọng nào đang hiện diện trong xã hội không được cân nhắc dù là về hình thức, bởi vì phía sau chúng là niềm hy vọng cho dù là của một bộ phận không lớn trong xã hội. Việc tôn trọng và thừa nhận lợi ích của những người khác như là điều kiện thực hiện lợi ích của chính mình, phải được coi là "luật cơ bản" của đồng thuận. Đó cũng chính là khía cạnh nhân đạo của đồng thuận.

Trong xã hội hiện đại, đồng thuận pháp luật thường dựa trên nền tảng thừa nhận cả các giá trị và tự do cá nhân. Sự phát triển các

quyền cá nhân thông qua quyền công dân làm xuất hiện nhu cầu cùng tồn tại của các lợi ích. Đồng thuận pháp luật đảm bảo quyền cá nhân thông qua quyền công dân.

2. Đồng thuận và dân chủ

Có khá nhiều nước trên thế giới, trong đó có nước ta đang sử dụng cơ chế biểu quyết thông qua quyết định (bao hàm cả thông qua dự án luật) theo nguyên tắc đa số. Cơ chế này có khá nhiều nhược điểm bởi những nhân tố khách quan và chủ quan của trình tự thủ tục đã được quy định. Việc có đại diện của các tổ chức chính trị - xã hội trong các cơ quan xây dựng pháp luật phát huy vai trò của phản biện xã hội đối với hoạt động xây dựng pháp luật của nước ta. Tuy nhiên, các quy tắc, thủ tục được ghi nhận trong các văn bản quy phạm pháp luật khác nhau cho thấy, về thực chất không có nội dung của những cơ chế hướng đến xoá bỏ sự căng thẳng xã hội bằng những văn bản quy phạm pháp luật có tính đến và kết hợp hài hoà các lợi ích đang tồn tại trong xã hội. Điều đó càng khẳng định vì sao mà trong điều kiện xã hội hiện nay, đồng thuận càng phải trở thành chế độ thông qua quyết định đảm bảo tính dân chủ cao và có hiệu quả nhất và vì sao mà đồng thuận cho phép tránh được các tình huống xung đột xã hội vốn rất đa dạng và phức tạp. Cơ chế đồng thuận không chỉ là chế độ biểu quyết mới mà còn là cách tiếp cận mới trong việc giải quyết các vấn đề xã hội. Do vậy, đồng thuận phải được coi là nguyên tắc tổng hợp của hoạt động xây dựng pháp luật do nhu cầu của xã hội cân tính đến và thể hiện có kết hợp một cách hài hoà trong pháp luật các lợi ích đang tồn tại trong xã hội.

Ý kiến đồng thuận là ý kiến mang tính ngang bằng. Cũng giống như việc làm sáng tỏ sự bình quân về độ tuổi, về chiều cao, việc làm sáng tỏ trọng tâm của dư luận xã hội có thể được tiến hành bằng cách thăm dò ý kiến đồng tình. Mức độ đồng tình cho thấy ý kiến cụ thể nào đó nhận được sự đồng tình đến mức độ nào gắn với dư luận chung. Trọng tâm của dư luận xã hội có đặc điểm là không

có ý kiến phản bác lại nó. Kế đó là lợi ích của các bên bị phân tán. Do vậy, nếu lấy phương pháp phối kết hợp làm phương pháp biểu quyết thông qua quyết định, dự án luật trong xã hội thì mức độ đồng thuận sẽ tăng lên. Việc xem nhẹ lợi ích của những cộng đồng xã hội, những nhóm xã hội nhất định nào đó sẽ làm mất sự hoà hợp trong xã hội, làm mất sự ủng hộ của những cộng đồng xã hội, những nhóm xã hội đó đối với Nhà nước. Rõ ràng, nhìn từ góc độ pháp luật, đồng thuận với tính cách là ý chí chung tạo điều kiện xây dựng đạo luật phù hợp với điều kiện đời sống xã hội thực tế.

Cơ chế thể hiện ý kiến cần được tiến hành trên cơ sở hệ thống được phân loại. Chẳng hạn, khi thảo luận dự án luật, tất cả các ý kiến đã được nêu ra và thu thập cần được phân thành “những nhóm có ý kiến như nhau” với điều kiện mỗi một ý kiến đều phải được cân nhắc và “gộp” vào “một nhóm nhất định”.

Được coi là có sự biểu quyết mang tính chất đồng thuận khi các kiến nghị về những quy định cụ thể của dự án luật đều được cân nhắc, kết hợp. Đây chính là phương pháp thông qua dự án luật trong đồng thuận. Nếu trong quá trình thảo luận dự án luật, phát hiện có những ý kiến khác nhau thì khi phân tích tổng hợp các kết quả cần lấy những điểm chính (cốt lõi) của ý kiến này hay ý kiến khác có mức độ đồng thuận cao và không trái với tư tưởng có tính nguyên tắc của dự án để đưa vào kết luận cuối cùng.

Xây dựng quan điểm hiện đại về nền văn hoá chính trị - pháp luật hướng tới tìm kiếm cơ hội nhượng bộ giữa các chủ thể của tình huống xung đột là cách tiếp cận mới gắn với việc áp dụng nguyên tắc đồng thuận vào thực tiễn đời sống pháp lý - xã hội. Thêm vào đó, việc tìm kiếm một quyết định có tính khả thi đối với vấn đề xung đột xã hội nói chung và xung đột pháp luật nói riêng xuất phát từ tư duy lành mạnh, theo đó đối với vấn đề gì khó có sự nhất trí, hãy làm cho các bên đã đưa ra các quan điểm xích lại gần trên cơ sở khi phân tích những lợi ích cơ bản của các bên “án” đằng sau những quan điểm đó, tìm

kiếm những cơ sở để họ thoả thuận theo hướng không động chạm đến những quan điểm xung đột. Cơ chế mang tính đồng thuận được nghiên cứu trên đây chính là phương tiện góp phần khắc phục những cuộc xung đột pháp luật không nên có.

3. Đồng thuận pháp luật và xung đột pháp luật

Tầm quan trọng của đồng thuận pháp luật còn thể hiện ở chỗ nó cho phép đưa ra cơ chế giải quyết một cách thoả đáng các cuộc xung đột pháp luật trên cơ sở cân nhắc một cách đúng đắn lợi ích của các bên vốn luôn duy trì và bảo vệ lợi ích của mình.

Nghĩa chính của đồng thuận pháp luật với tư cách là phương pháp giải quyết xung đột, như đã nhấn mạnh trên đây, là sự nhất trí về quan điểm, nhưng sự nhất trí đó là của đại bộ phận các thành viên tham gia thông qua đạo luật hay quyết định khác hay nói cách khác có đồng thuận pháp luật khi có số đông những người tham gia thông qua đạo luật hay quyết định khác ủng hộ và không phản đối việc thông qua đạo luật hay quyết định khác đó (có thể không biểu lộ chính kiến).

Đồng thuận là phương thức thông qua quyết định tốt nhất, bởi vì bằng phương thức này, mới có thể giải quyết triệt để vấn đề. Nếu trong quyết định hay cách giải quyết chỉ phản ánh lập trường (quan điểm) của thiểu số, thì buộc phải thực hiện chúng bằng phương pháp cưỡng bức và như vậy có nguy cơ phải xem xét lại bất cứ lúc nào hoặc chỉ được ủng hộ một cách từ từ (hay còn gọi là đồng thuận miễn cưỡng). Ngoài ra, phương pháp đồng thuận còn tạo ra bầu không khí lành mạnh trong xã hội nói chung và trong tổ chức cụ thể nói riêng, bởi nó không hướng mọi người vào sự đối đầu mà hướng họ vào việc cân nhắc và tôn trọng lợi ích của nhau. Chẳng hạn, phương pháp đồng thuận cho phép ngăn ngừa sự chia rẽ xã hội, hạn chế việc dùng vũ lực thường nảy sinh từ sự sợ hãi phải trở thành số ít hay “kẻ yếu” và có thể bị tiêu diệt hay “lấn át”. Xét đến cùng, với nghĩa là sự thừa nhận lợi ích của những người khác, đồng thuận hình thành ý thức xã

hội và ý thức pháp luật mới. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, phương pháp đồng thuận cũng có những nhược điểm nhất định liên quan đến trình độ văn hoá pháp luật và văn hoá chính trị. Những nhược điểm đó thể hiện: *thứ nhất*, sự cần thiết phải nhất trí trong sự đa dạng về quan điểm có thể bị sử dụng để kéo dài việc thông qua quyết định; *thứ hai*, xuất hiện nguy cơ thông qua quyết định không cụ thể và không chính xác trong những trường hợp cố ép để có đồng thuận. Như vậy, việc nâng cao mức độ nhất trí của việc thông qua quyết định đôi khi cũng ảnh hưởng đến chất lượng của quyết định đó.

Sự đồng thuận pháp luật gặp nhiều lực cản hơn ở những quốc gia thiếu những điều kiện có tính nền tảng cho sự đồng thuận của công dân. Vì vậy, ở những quốc gia đó, hoạt động xây dựng pháp luật không bao hàm nhu cầu phải giải quyết những vấn đề nào đó hoàn toàn bằng phương pháp đồng thuận. Sự đồng thuận pháp luật hình như lúc nào cũng mang tính tùy nghi, tức là trình tự, thủ tục đồng thuận được xem như một giai đoạn sơ bộ hoặc như phương án phải lựa chọn trong các phương án khác nhau của việc đưa ra và thông qua quyết định.

4. Đồng thuận trong các ngành luật khác nhau

Đồng thuận được áp dụng trong tất cả các ngành luật ở những mức độ khác nhau

Trong Luật Hiến pháp, nguyên tắc đồng thuận được thể hiện ở việc thông qua hiến pháp một cách dân chủ và ở việc thực hiện hiến pháp một cách ổn định trên thực tế nhằm phản ánh và hợp thức hoá sự đồng thuận đã có trong xã hội tương thích với cơ cấu kinh tế - xã hội và cơ cấu chính trị - pháp luật của xã hội. Chính vì vậy, các quy định của hiến pháp hướng vào củng cố các cơ sở có tính nền tảng của sự đồng thuận, đảm bảo các điều kiện về kinh tế - xã hội và chính trị - pháp luật. Trước hết, Hiến pháp thừa nhận quyền và tự do của con người là giá trị cao nhất, ghi nhận các quyền và tự do của con người và các đảm bảo thực hiện chúng trên thực tế. Kế đó, Hiến pháp ghi nhận cơ chế

dân chủ thực hiện quyền lực nhà nước thông qua sự công khai, minh bạch và dân chủ trong các cuộc bầu cử vào các cơ quan quyền lực nhà nước, sự tự do của thông tin đại chúng, sự sử dụng như nhau của công dân đối với dịch vụ công...

Đồng thuận pháp luật thể hiện rõ nét hơn cả là trong Luật Dân sự và Luật Tố tụng Dân sự. Các ngành luật này dựa trên nguyên tắc tự định đoạt, theo đó các chủ thể quan hệ pháp luật có khả năng tự xác định tính chất và phạm vi các quyền và nghĩa vụ pháp lý trong quan hệ pháp luật cụ thể, điều chỉnh những bất đồng nảy sinh từ quan hệ pháp luật đó. Các quan hệ pháp luật dân sự đa phần được hình thành từ hợp đồng và vì vậy phần lớn các hợp đồng dân sự mang tính chất đồng thuận. Như vậy, về nguyên tắc, sự đồng thuận trong quan hệ pháp luật dân sự là bắt buộc, còn sự tùy ý chỉ là ngoại lệ gắn với việc giải quyết tranh chấp hợp đồng bằng con đường trọng tài chẳng hạn.

Trong Luật Tố tụng Dân sự thì ngược lại, đồng thuận hay không đồng thuận lại tùy thuộc vào ý chí của các đương sự. Các đương sự (các bên trong cuộc tranh chấp) có quyền kết thúc tranh chấp bằng sự nhất trí mang tính hoà giải của cả hai bên, trường hợp họ không nhất trí được với nhau, Toà án mới quyết định.

Luật Hôn nhân và Gia đình được xây dựng trên nguyên tắc đồng thuận tùy thích. Tất nhiên, tất cả những vấn đề về xung đột gia đình cần được giải quyết theo sự nhất trí của các bên và chỉ khi nào các bên không nhất trí được với nhau, thì các quy phạm pháp luật mới điều chỉnh.

Các thủ tục đồng thuận được áp dụng rộng rãi để ngăn ngừa và giải quyết các xung đột lao động - xã hội.

Thậm chí đồng thuận pháp luật còn được thực hiện trong tố tụng hình sự một số nước, trong đó có nước Mỹ. Sự ngự trị trong tố tụng hình sự của các nước thuộc họ pháp luật Anglo-Xácxông nguyên tắc tranh tụng dẫn đến việc quá coi trọng ý nghĩa của lời nhận tội của người bị buộc tội. Lời nhận tội phải

diễn ra trước khi có bản án buộc tội. Do đó, các thẩm phán bằng mọi cách kích lệ “ký kết” được cái gọi là hợp đồng về sự thoả thuận đặc biệt giữa bên buộc tội và bên gỡ tội (bào chữa), theo đó khi người buộc tội đánh giá lại hành vi theo cấu thành tội phạm nhẹ hơn, còn bên bị buộc tội thừa nhận lỗi của mình thì tất cả các thủ tục xét xử tiếp theo bị bỏ qua một cách đáng kể, và về nguyên tắc, thẩm phán tuyên án tương thích với hợp đồng đã được ký kết. Có ý nghĩa đáng kể là tình tiết, theo đó người bị kết án theo hợp đồng nhận lỗi không bị áp dụng một loạt hậu quả tiêu cực mà người bị kết án chắc chắn sẽ bị áp dụng nếu bản án được tuyên theo thủ tục thông thường như: cấm đảm nhiệm chức vụ, mức hình phạt nghiêm khắc hơn v.v. Do vậy, chúng ta không ngạc nhiên trước việc ở Mỹ, phần lớn các vụ án hình sự được kết thúc bằng “hợp đồng nhận lỗi”. Chỉ có điều là nguyên tắc chân lý khách quan trong những trường hợp đó đã bị vi phạm. Thí dụ này thêm một lần nữa cho thấy không nên tuyệt đối hoá đồng thuận (cũng như bất kỳ phương thức nào khác).

Thông thường, khi quy định khả năng và mong muốn giải quyết các vấn đề bằng đồng thuận, pháp luật không quy định “công nghệ” của các thủ tục nhất trí. Điều đó một phần được giải thích rằng các phương thức điều chỉnh xung đột phụ thuộc vào tính chất của nó, phụ thuộc vào các bên tham gia xung đột v.v. và những tình tiết này là rất khác nhau kể cả trong khuôn khổ của một loại xung đột pháp luật nhất định. Thiết nghĩ, trong điều kiện đồng thuận chưa trở thành phương thức truyền thống thông qua quyết định, việc nêu ra một số định hướng mang tính “công nghệ chung” cho thủ tục nhất trí là hết sức bổ ích.

Trước hết, để đạt tới sự đồng thuận, cần phải đưa đối tượng của xung đột ra khỏi “các tầng” lợi ích của các bên vốn đồng hành, đan xen (nhưng không đáng kể) cũng như ra khỏi các đánh giá và phản ứng mang tính cảm xúc của họ. Ở đây khoảng thời gian ngắt quãng tạm thời giữa thời điểm giải quyết xung đột (cố nhiên khi điều đó có thể xảy ra) là hết sức bổ ích, chẳng hạn như các cuộc đàm phán về điều chỉnh cuộc đụng độ quân sự bằng con đường chính trị, về nguyên tắc, được bắt đầu sau khi hai bên ngừng bắn và rút quân đội của mình ra khỏi vùng tranh chấp.

Bất kỳ một thủ tục đồng thuận nào cũng cần phải loại bỏ sự ưu thế tuyệt đối của một trong số các bên và phải bảo đảm việc sử dụng các tiêu chí để đánh giá các tình huống một cách khách quan. Để thực hiện được điều đó, người ta thường đề nghị những người không liên quan đến vụ việc để được giúp đỡ. Họ có thể là người trung gian, trọng tài viên, thẩm phán. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, thủ tục được coi là đồng thuận tự nguyện một khi khuyến nghị của “người thứ ba” không mang tính bắt buộc đối với các bên mà chỉ là giúp các bên xung đột cùng nhau đi đến sự nhất trí cần thiết. Cần lưu ý rằng, hiện nay phương thức giải quyết xung đột pháp luật có tính phổ biến hơn là giải quyết xung đột bằng con đường toà án - một phương thức không mang tính đồng thuận.

Đồng thuận pháp luật là một hướng nghiên cứu mới của khoa học pháp lý nước ta. Trong bài viết này, như trình bày ở trên, chúng tôi bước đầu bàn luận tới một số vấn đề cơ bản của đồng thuận pháp luật. Thiết nghĩ rằng vấn đề này cần được quan tâm nghiên cứu nhiều hơn trong thời gian tới.